TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 39/2026/DS-PT
Ngày 25/3/2026
Về *"Tranh chấp tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường, ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, mở phiên tòa tại tru sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 85/TBTL-TA ngày 06/10/2025 về *"Tranh chấp tài sản chung và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* đối với bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DSST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là TAND tỉnh Đăk Lăk) bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 450A/2026/QĐ-PT ngày 10/3/2026 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, giữa:

Nguyên đơn:

1/ ông Võ Hòa T, sinh năm 1955, địa chỉ: 4 T, phường B, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Tp Hồ Chí Minh), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ ông Võ H, sinh năm 1955, địa chỉ: khu phố C, thị trấn H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường H, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

3/ bà Võ Thị T1, sinh năm 1962, địa chỉ: khu phố C, thị trấn H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường H, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

4/ bà Võ Thị T2, sinh năm 1965, địa chỉ: thôn P, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là) có mặt.

Tất cả các đồng nguyên đơn đều ủy quyền cho ông Võ Hòa T, ông T vắng, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: vợ chồng ông Võ H1, sinh năm 1961 và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1964, địa chỉ: C N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường P, tỉnh Đắk Lắk); ông H1 có mặt, bà B vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bà B là anh Võ Hoài P, sinh năm 1985, địa chỉ C N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường P, tỉnh Đắk Lắk), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng N3 - Chi nhánh N4; địa chỉ: D N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường P, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T và Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên (kế thừa là Chủ tịch UBND phường P, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Hòa T và ông T đại diện cho các anh chị em là nguyên đơn trình bày:* Cha mẹ là cụ Võ Hòa T3, chết năm 2006 và cụ Nguyễn Thị H2, chết năm 1980 có 06 người con: - Võ Hòa T (sinh năm 1955, thực ra sinh năm 1952, tên thường gọi khi nhỏ là Võ Hòa N1, sau đó cha làm lại giấy tờ để đi học nên khai tên Võ Hòa T, sinh năm 1955, do vậy mới có sự trùng lặp năm sinh giữa Võ Hòa T và em trai V); - Võ H (sinh năm 1955); - Võ H1 (sinh năm 1961); - Võ Thị T1 (sinh năm 1962); - Võ Thị T2 (sinh năm 1965); - Võ Thị T4 (không nhớ năm sinh, chết trước năm 1980 khi đó khoảng 03 tuổi). Nguồn gốc nhà đất tại số C N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên do vợ chồng cụ Võ Hòa T3 và cụ Nguyễn Thị H2 tạo lập. Trước đây, ông Võ H1 trực tiếp chăm sóc cha mẹ bằng tiền của ông Võ Hòa T gửi về hàng tháng; sau đó, do nợ nên ông H1 làm giả di chúc của cụ T3 và làm giả toàn bộ thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, các chữ ký tại *Giấy tri cấp nhà ở* do ông Võ H1 xuất trình đều giả vì anh em chưa ai ký đồng ý cho ông H1 được toàn quyền sử dụng nhà đất. Nay, ông T và các anh chị em khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông Võ H1 được cấp đối với nhà đất tại C N, phường P, T, Phú Yên và yêu cầu chia thừa kế di sản là nhà đất của cha mẹ.

** Bị đơn vợ chồng ông Võ H1 trình bày:* Cha tôi là Võ Hòa T3, chết năm 2005, tuy nhiên, đến năm 2006 mới làm giấy chứng tử, mẹ tôi là Nguyễn Thị H2, chết năm 1980. Năm 1969, cha mẹ mua và xây nhà ở diện tích đất tọa lạc tại số C N, phường P, T, Phú Yên, từ nhỏ đến lớn tôi sống tại đây với cha mẹ tôi. Năm 1989, cha tôi lập *Giấy Tri cấp nhà ở* với nội dung giao căn nhà cho vợ chồng tôi quản lý và có trách nhiệm hương khói, thờ cúng tổ tiên. Giấy này có tất cả các con của cha mẹ thống nhất ký tên và được Ủy ban nhân dân phường P đóng dấu xác nhận. Tiếp đó, ngày 06/4/1998, cụ Võ Hòa T3 còn lập *Tờ di chúc đoạn giao quyền sở hữu thừa kế* có sự chứng kiến của các con Võ Hòa N1 (Võ Hòa T), Võ Hòa T (V), Võ H (V), Huỳnh Thị B (vợ của Võ H1), cùng sự chứng kiến của các người làm chứng ông Võ Hòa S và Võ D, nội dung tiếp tục giao căn nhà nói trên cho vợ chồng ông Võ H1, bà Huỳnh Thị B; Tờ di chúc này cụ T3 không yêu cầu Ủy ban nhân dân chứng thực vì cụ T3 nghĩ *Giấy tri cấp nhà ở* lập năm 1989 đã rõ ràng, đầy đủ giá trị pháp lý.

Từ khi cha lập di chúc, vợ chồng tôi ở ổn định tại căn nhà trên không ai tranh chấp và vợ chồng tôi đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 042323 ngày 27/11/2009. Nay ông Võ Hòa T khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng tôi đối với nhà

và đất tại số C N, phường P, T, Phú Yên. Vợ chồng tôi không đồng ý vì đây là nhà đất của vợ chồng tôi đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hợp pháp. Ngoài ra, hiện nay vợ chồng tôi đang sữa chữa lại phần phía sau của căn nhà tại diện tích đất đang tranh chấp do nhà đã cũ, xuống cấp, không đủ điều kiện để ở. Ông T yêu cầu ngăn chặn việc xây dựng của vợ chồng tôi, tôi không đồng ý vì tôi xây dựng căn nhà này là hợp pháp, đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy phép xây dựng.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan,* Ngân hàng N3 *(*A*)* - Chi nhánh N4 *trình bày:* Ông Võ Hoài B1 Huỳnh Thị B vay vốn Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng: HĐTD số 4607LAV202000896 ngày 22/6/2020 vày 500.000.000 đồng, dư nợ hiện tại 500.000.000 đồng (bao gồm các giấy nhận nợ số 07LDS202001406 từ ngày 22/6/2020 đến ngày 16/6/2021; 4607LDS202001741 từ ngày 28/7/2020 đến ngày 16/6/2021), mục đích vay mua bán nước giải khát; Hợp đồng tín dụng số 4607LAV202001221 ngày 19/8/2020, thời hạn vay 60 tháng, số tiền phê duyệt 300.000.000 đồng, dư nợ hiện tại: 250.000.000 đồng, mục đích vay xây dựng nhà ở; HĐTD số 4607LAV202001526 ngày 13/10/2020, thời hạn vay 60 tháng, số tiền phê duyệt 100.000.000 đồng, dư nợ hiện tại 86.666.664 đồng, mục đích vay mua sắm vật dụng sinh hoạt. Tài sản thế chấp để đảm bảo nợ vay là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ042323 (số vào sổ H01255) do U cấp ngày 27/11/2009, diện tích 164.7m^2, loại đất ở đô thi, bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số AQ042323/HĐTC ngày 25/7/2016, công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 4356, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Tp T.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ông Võ H1 và bà Huỳnh Thị B đã trả nợ gốc, lãi theo đúng thỏa thuận; sau khi nhận được Thông báo của Tòa án AgribanA - Chi nhánh N5 TP T, Phú Yên đã mời ông Võ H1 và bà Huỳnh Thị B làm việc. Tại buổi làm việc, ông H1 và bà B cung cấp các chứng từ chứng minh cho tài sản của mình là hợp pháp, đồng thời cam kết sẽ trả nợ vay khi đến hạn; do vậy, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan,* UBND thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DSST ngày 30/6/2025 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 48/2025/QĐ-SCBSBA ngày 15/7/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là Đ) quyết định:

Căn cứ các Điều 100, 202, 203 Luật Đất đai năm 2023; ĐIều 166 Bộ luật Dân sự; các Điều 34, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sựl nghejj quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2026 cua Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Võ Hòa T, ông Võ H, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị T2 về việc yêu cầu xác định tài sản chung, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 042323 ngày 27/11/2009 do UBND thành phố T cấp cho vợ chồng ông Võ H1 và bà Huỳnh Thị B.

[2] Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001552 ngày 10/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, đã nộp đủ. H3 *lại nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng tạm ứng lệ phí giám định chữ ký tại phiếu thu ngày 13/10/2020.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 08/7/2025, ông Võ Hòa T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Võ Hòa T vắng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông *Võ Hòa T*, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Sau nhiều lần thay đổi yêu cầu khởi kiện các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định ngôi nhà và diện tích đất tại địa chỉ C N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là C N, phường P, tỉnh Đắk Lắk) là tài sản chung của anh em trong gia đình, đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố T đã cấp cho vợ chồng ông Võ H1, bà Huỳnh Thị B; do đó, Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là TAND tỉnh Đắk Lắk) thụ lý giải quyết, xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết *"Tranh chấp yêu cầu xác định tài sản chung, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, khoản 4 Điều 34, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Phiên toà phúc thẩm mở lần thứ hai, đã triệu tập hợp lệ ông Võ Hòa T là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn kháng cáo, nhưng ông T có ***Đơn xin vắng mặt*** ghi ngày 20/3/2026, nội dung ông T trình bày *"Tôi xin được*

Quý Toà cho tôi vắng mặt hẹn phiên toà sau: Lý do Tôi bị di chứng, bị yếu liệt nửa thân bên trái sau khi tai biến, xuất huyết não nên đi lại rất khó khăn, không di chuyển từ S ra Đà Nẵng được, kính mong Quý Tòa chấp nhận thông cảm cho tôi". Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị xét xử vắng mặt ông T nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo đề nghị của Kiểm sát viên vì không thể chờ ông T hiện đã 81 tuổi, bị liệt nửa thân bên trái sau khi tai biến, xuất huyết não phục hồi có thể từ S ra Đà Nẵng tham gia phiên tòa.

Về nội dung:

[3] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận vợ chồng cụ Võ Hòa T3 và cụ Nguyễn Thị H2 không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 06 con chung gồm ông Võ Hòa T, ông Võ H, ông Võ H1, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị T2 và bà Võ Thị T4 (chết khi còn nhỏ, không có chồng con); nguồn gốc diện tích đất 164,7m^2 thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 99, địa chỉ C N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là C N, phường P, tỉnh Đắk Lắk) trên đất có nhà là tài sản do vợ chồng cụ Võ Hòa T3 và cụ Nguyễn Thị H2 tạo lập; ngày 16/11/1980 cụ H2 chết không để lại di chúc; năm 2006 cụ Võ Hòa T3 chết; nhà đất của hai cụ hiện do vợ chồng ông Võ H1 quản lý, sử dụng. Nay ông Võ Hòa T đại diện cho ông Võ H, bà Võ Thị T1, bà Võ Thị T2 khởi kiện yêu cầu chia di sản của cha mẹ.

[4] Ông Võ H1 là người quản lý nhà đất có nguồn gốc do cha mẹ tạo lập không đồng ý chia theo yêu cầu của các anh chị em do ông Võ Hòa T đại diện khởi kiện với lý do ngày 25/01/1989, cụ Võ Hòa T3, cùng các con Võ Hòa N1 (Võ Hòa T) và bà Phạm Thị H4 (vợ ông Võ Hòa N1), ông Võ Hòa T (V) và bà Đỗ Thị H5 (vợ của ông Võ H), ông Võ H (V) và bà Huỳnh Thị B (vợ của ông Võ H1), bà Võ Thị T1 và bà Võ Thị Thanh L và ký *Giấy tri cấp nhà ở,* nội dung ghi vợ chồng cụ T3, cụ H2 đã tạo lập nhà cửa, hiện còn một căn nhà tại trung tâm thị trấn, sát với Quốc lộ A, nhà đúc 2 tấm, dài 17 thước, ngang 4,5 thước, nay cụ T3 họp với các con trai, dâu, gái bàn thảo và có quyết định chung là tri cấp căn nhà này cho con trai út là Võ H có vợ là Huỳnh Thị B ở, vợ chồng Võ H bằng lòng nhận lãnh và làm tròn trách nhiệm hương khói, cúng kỵ; Văn bản Giấy tri cấp nhà ở được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T chứng thực ngày 28/01/1989; tiếp đó, ngày 06/4/1998, cụ Võ Hòa T3 lập *Tờ di chúc đoạn giao quyền sở hữu thừa kế* có sự chứng kiến của các con Võ Hòa N1 (Võ Hòa T), Võ Hòa T (V), Võ H (V), Huỳnh Thị B (vợ của Võ H1), cùng sự chứng kiên của các người làm chứng ông Võ Hòa S và Võ D, nội dung tiếp tục giao căn nhà nói trên cho vợ chồng ông Võ H1, bà Huỳnh Thị Bảy T5 di chúc này cụ T3 không yêu cầu Uỷ ban nhân dân chứng thực vì cụ nghĩ *Giấy tri cấp nhà ở* lập năm 1989 đã rõ ràng, đầy đủ giá trị pháp lý.

[5] Tại quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, ông T yêu cầu Toà án trưng cầu giám định các chữ ký của những người ký tên trong *Giấy tri cấp nhà ở* và *Tờ di chúc đoạn giao quyền sở hữu thừa kế,* tại Công văn số 06/PC09 ngày 08/01/2021 của Phòng K Công an tỉnh P và Bản Kết luận giám định số 77/KL-KTHS ngày 07/11/2022 Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Đà Nẵng đều kết luận không đủ cơ sở để giám định chữ ký của những người ký tên trong *Giấy tri cấp nhà ở* và

Tờ di chúc đoạn giao quyền sở hữu thừa kế. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 11/11/2025, ông T tiếp tục cho rằng chữ ký dưới đề tên *"Võ Hòa T"* tại *Giấy tri cấp nhà ở* ngày 25/01/1989 không phải chữ ký của ông T nên yêu cầu trưng cầu giám định; ông T cam kết sẽ cung cấp đủ 5 mẫu chữ ký của ông T trong vòng 5 năm so với ngày xác lập *Giấy tri cấp nhà ở* ngày 25/01/1989 nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã hoãn phiên tòa để đợi ông T cung cấp mẫu chữ ký so sánh. Tại *Đơn nộp chữ ký giám định* đề ngày 28/11/2025 thì ông T gửi kèm các tài liệu mẫu so sánh có chữ ky của ông Võ Hòa T gồm: Giấy chứng nhận đã nộp con dâu ngày 09/7/2012; Giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/4/2006 (bản sao); Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 29/8/2018; Giấy lĩnh tiền ngày 17/10/2028; Giấy rút tiền ngày 20/12/2019; Thông báo áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng ngày 15/12/2010; xét, các tài liệu mẫu so sánh không đáp ứng khoảng cách thời gian 5 năm quanh mốc thời gian xác lập tài liệu cần giám định *Giấy tri cấp nhà ở* là ngày 25/01/1989 nên không thể thực hiện được thủ tục giám định theo quy định; do đó, cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án căn cứ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét, vợ chồng ông Võ H1, bà Huỳnh Thị B đã sinh sống ổn định, sử dụng tài sản công khai, liên tục, không có tranh chấp và ngày 27/11/2009, vợ chồng ông Võ H1 được UBND thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 042323 trên cơ sở kê khai sử dụng theo thực tế. Quá trình sử dụng nhà đất, vợ chồng ông H1 đã thế chấp nhà đất vay vốn Ngân hàng N3, thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng. Xét, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nhiều lần thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Trả lời Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa (bút lục 12) yêu cầu nguyên đơn nêu rõ yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ H1, bà Huỳnh Thị B hay có tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn? thì tại 2 Văn bản gửi Tòa án cùng ngày 30/6/2020 thì 1 văn bản (bút lục số 17) nguyên đơn ghi yêu cầu Toà án chia thừa kế di sản của cha mẹ, còn 1 văn bản ghi xin được đứng tên đồng sở hữu nhà đất (bút lục số 21). Tại biên bản ghi lời trình bày của đương sự ngày 18/8/2020 (bút lục 51) ông Võ Hòa T trình bày Tôi xác định chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Võ Hoài B1 Huỳnh Thị B đối với lô đất 355 Nguyễn Văn L1, tôi không yêu cầu chia thừa kế di sản đối với nhà và đất nêu trên; tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 06/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa (bút lục 252) nguyên đơn lại yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ, nhưng khi vụ án được chuyển thẩm quyền lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên thì nguyên đơn lại từ chối đóng chi phí định giá tài sản.

[7] Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn khẳng định chỉ yêu cầu xác định nhà và đất tại 355 Nguyễn Văn L1 là tài sản chung và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vợ chồng ông Võ H1, bà Huỳnh Thị B được cấp, không yêu cầu chia thừa kế, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xét yêu cầu chia thừa kế của đại diện nguyên đơn là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu của đại diện nguyên đơn yêu cầu Toà án xác định nhà đất là tài sản chung, xét sau khi cụ Võ

Hòa T3 chết, các đồng thừa kế hàng thứ nhất của cụ T3 và cụ H2 không có văn bản thỏa thuận di sản của cụ T3 và cụ H2 là tài sản chung chưa chia nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận xác định di sản của cụ T3 và cụ H2 là tài sản chung của các đồng thừa kế để chia tài sản chung là đúng quy định tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; do không có chia tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 042323 mà UBND thành phố T cấp cho vợ chồng ông Võ Hoài B1 Huỳnh Thị B ngày 27/11/2009 là đúng pháp luật.

[8] Từ các mục trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hòa T đại diện cho các đồng nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông Võ Hòa T kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DSST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên (nay là TAND tỉnh Đắk Lắk).

Ông Võ Hòa T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000435 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện công tố và kiểm sát XXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân